

# TÁI ĐỊNH NGHĨA VAI TRÒ CỦA NGOẠI NGỮ TRONG KI NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGUYỄN TÔ CHUNG\*

**TÓM TẮT:** Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn, đang làm thay đổi cách con người sử dụng ngoại ngữ trong học tập, công việc và giao tiếp quốc tế. Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các nghiên cứu quốc tế, bài viết làm rõ tác động của AI đối với vai trò của ngoại ngữ và sự chuyển đổi của năng lực ngoại ngữ trong bối cảnh số. Kết quả nghiên cứu cho thấy AI không làm giảm giá trị của ngoại ngữ mà thúc đẩy quá trình tái định nghĩa năng lực ngoại ngữ theo hướng tích hợp giữa năng lực ngôn ngữ, giao tiếp liên văn hóa, năng lực số, năng lực AI, tư duy phản biện và năng lực nghề nghiệp toàn cầu. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình đào tạo ngoại ngữ tích hợp AI trong các trường đại học, nhằm định hướng đổi mới chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và đánh giá người học. Nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận về năng lực ngoại ngữ trong kỉ nguyên AI, đồng thời cung cấp gợi ý cho các cơ sở giáo dục đại học và nhà hoạch định chính sách trong phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và hội nhập quốc tế.

**TỪ KHÓA:** Trí tuệ nhân tạo tạo sinh; năng lực ngoại ngữ; giáo dục đại học; năng lực AI; giao tiếp liên văn hóa.

**NHẬN BÀI:** 10/06/2026.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 10/08/2026

## 1. Đặt vấn đề

Trong hơn ba thập kỉ qua, dưới tác động của toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, ngoại ngữ luôn được xem là một trong những năng lực nền tảng của nguồn nhân lực chất lượng cao. Khả năng sử dụng thành thạo một hoặc nhiều ngoại ngữ không chỉ giúp cá nhân tiếp cận tri thức toàn cầu, mở rộng cơ hội học tập và nghiên cứu, mà còn tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể trên thị trường lao động. Trong nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, trình độ ngoại ngữ đã trở thành một tiêu chí quan trọng trong tuyển dụng, đánh giá năng lực nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực. Nhiều chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo cũng xác định ngoại ngữ là công cụ thiết yếu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và Internet trước đây đã góp phần thay đổi phương thức dạy và học ngoại ngữ, song chưa làm thay đổi bản chất của năng lực ngoại ngữ. Người học vẫn phải đầu tư nhiều năm để hình thành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, dịch thuật và giao tiếp trong môi trường đa ngôn ngữ. Các ngành đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là biên dịch, phiên dịch, giảng dạy ngoại ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ, luôn được xã hội đánh giá cao và được xem là những lĩnh vực có triển vọng nghề nghiệp ổn định.

Tuy nhiên, sự ra đời và phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI), đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) như ChatGPT, Gemini, Claude, Copilot hay DeepSeek từ cuối năm 2022, đã tạo nên một bước ngoặt mang tính đột phá trong lĩnh vực xử lí ngôn ngữ tự nhiên. Khác với các công cụ dịch máy truyền thống vốn chỉ hỗ trợ chuyển đổi văn bản giữa các ngôn ngữ, các hệ thống AI thế hệ mới có khả năng hiểu ngữ cảnh, phân tích ý nghĩa, tạo lập văn bản và tương

\*PGS.TS; Đại học Phenikaa; Email: chung.nguyento@phenikaa-uni.edu.vn

tác với con người bằng ngôn ngữ tự nhiên với mức độ ngày càng gần với giao tiếp của con người.

Hiện nay, AI có thể thực hiện hiệu quả nhiều công việc trước đây đòi hỏi người sử dụng phải có trình độ ngoại ngữ tương đối cao, chẳng hạn như: Dịch văn bản giữa nhiều ngôn ngữ với tốc độ gần như tức thời; Phiên dịch hội thoại trực tiếp trong môi trường đa ngôn ngữ; Viết thư điện tử, báo cáo, hợp đồng, bài phát biểu và các loại văn bản hành chính bằng ngoại ngữ; Hỗ trợ viết bài báo khoa học, luận văn, báo cáo nghiên cứu bằng ngoại ngữ; Hiệu đính, chỉnh sửa lỗi ngữ pháp, từ vựng và phong cách diễn đạt,...

Nếu trước đây, để thực hiện thành thạo các công việc trên, người học phải đầu tư nhiều năm học tập và rèn luyện, thì ngày nay AI có thể hỗ trợ hoàn thành phần lớn các nhiệm vụ này chỉ trong vài giây. Điều đó đang làm thay đổi đáng kể cách con người sử dụng ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu, làm việc và giao tiếp quốc tế.

Sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ đã dẫn đến nhiều tranh luận trong giới học thuật, các nhà quản lý giáo dục và thị trường lao động. Một quan điểm cho rằng AI sẽ từng bước thay thế con người trong các hoạt động sử dụng ngôn ngữ, khiến giá trị của việc học ngoại ngữ suy giảm và làm thu hẹp nhu cầu đối với các nghề liên quan đến ngoại ngữ, đặc biệt là biên dịch và phiên dịch. Quan điểm khác lại cho rằng AI chỉ thay thế những công việc mang tính kỹ thuật và lặp lại, trong khi những năng lực cốt lõi như tư duy phản biện, giao tiếp liên văn hóa, sáng tạo nội dung, đàm phán quốc tế hay xử lý các tình huống giao tiếp phức tạp vẫn đòi hỏi vai trò không thể thay thế của con người. Những quan điểm trái chiều này phản ánh một thực tế rằng sự phát triển của AI đang đặt ra yêu cầu phải nhìn nhận lại vai trò của ngoại ngữ trong bối cảnh mới.

Đối với giáo dục đại học, những thay đổi này đặt ra hàng loạt câu hỏi có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn: Liệu AI có làm suy giảm vai trò và vị thế của ngoại ngữ trong xã hội hiện đại? Nghề biên dịch, phiên dịch và các nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ có đứng trước nguy cơ bị thay thế bởi AI hay không? Những năng lực ngoại ngữ nào sẽ tiếp tục có giá trị trong kỷ nguyên AI? Các khoa ngoại ngữ và các chương trình đào tạo ngoại ngữ của các trường đại học cần được đổi mới như thế nào để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong tương lai? Chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá người học cần thay đổi theo hướng nào để người học có thể khai thác hiệu quả AI thay vì bị AI thay thế?...

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu quốc tế đề cập đến việc ứng dụng AI trong dạy và học ngoại ngữ, phần lớn các công trình hiện nay vẫn tập trung vào việc khai thác AI như một công cụ hỗ trợ học tập hoặc đánh giá hiệu quả của AI trong từng kỹ năng ngôn ngữ riêng lẻ. Các nghiên cứu bàn về sự thay đổi bản chất của năng lực ngoại ngữ, sự chuyển dịch của thị trường lao động ngoại ngữ cũng như định hướng tái cấu trúc chương trình đào tạo ngoại ngữ trong giáo dục đại học còn tương đối hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam. Khoảng trống nghiên cứu này đòi hỏi cần có những phân tích mang tính hệ thống để lý giải những thay đổi đang diễn ra và đề xuất các định hướng phát triển phù hợp.

Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết này hướng tới ba mục tiêu chính. Thứ nhất, phân tích tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đối với vai trò và vị thế của ngoại ngữ trong xã hội hiện đại. Thứ hai, làm rõ sự chuyển dịch của năng lực ngoại ngữ và xu hướng phát triển của các nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ trong bối cảnh AI ngày càng được ứng dụng rộng rãi. Thứ ba, đề xuất mô hình chuyển đổi đào tạo ngoại ngữ đại học tích hợp AI (AI-Integrated University Foreign Language Education Model) nhằm cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đổi mới đào tạo ngoại ngữ ở Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

## **2. Tái định nghĩa vai trò của ngoại ngữ trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo**

### **2.1. Ngoại ngữ không còn là "công cụ độc quyền" để tiếp cận tri thức toàn cầu**

Trong suốt nhiều thập kỷ, ngoại ngữ được xem là "chìa khóa" mở cánh cửa tiếp cận tri thức nhân loại. Trước khi trí tuệ nhân tạo tạo sinh và các hệ thống dịch máy thông minh phát triển, khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ gần như là điều kiện tiên quyết để cá nhân có thể khai thác nguồn tri thức quốc tế, tham gia các diễn đàn học thuật, tiếp cận các công nghệ mới và hội nhập vào môi trường làm

việc toàn cầu. Nói cách khác, người biết ngoại ngữ sở hữu một lợi thế thông tin mà những người không biết ngoại ngữ rất khó có được.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phần lớn các công trình có ảnh hưởng trên thế giới đều được công bố bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ thông dụng. Các cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế, sách chuyên khảo, báo cáo kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tài liệu hướng dẫn chuyên môn hay các khóa học trực tuyến chất lượng cao đều chủ yếu sử dụng tiếng Anh hoặc một số ngoại ngữ phổ biến khác. Điều này khiến năng lực ngoại ngữ trở thành điều kiện gần như bắt buộc đối với các nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên cũng như đội ngũ nhân lực chất lượng cao. Trong nhiều trường hợp, người có trình độ ngoại ngữ tốt không chỉ tiếp cận thông tin nhanh hơn mà còn có khả năng cập nhật các xu hướng khoa học, công nghệ và kinh tế trước những người chỉ sử dụng ngôn ngữ bản địa.

Không chỉ trong học thuật, ngoại ngữ còn tạo ra lợi thế đáng kể trong hoạt động kinh doanh và nghề nghiệp. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia và các tổ chức quốc tế thường ưu tiên tuyển dụng những ứng viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo. Khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, trao đổi trực tiếp với đối tác nước ngoài, tham gia hội nghị quốc tế hay xử lý các văn bản bằng ngoại ngữ được xem là những năng lực mang lại giá trị gia tăng cho người lao động. Trong bối cảnh đó, ngoại ngữ vừa là công cụ giao tiếp vừa là phương tiện tiếp cận tri thức và cũng là một lợi thế cạnh tranh quan trọng trên thị trường lao động.

Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của Generative AI đã làm thay đổi căn bản bối cảnh này. Với sự hỗ trợ của LLMs, người dùng hiện nay có thể dịch gần như tức thời các bài báo khoa học, sách chuyên khảo, tài liệu kỹ thuật, website, hợp đồng, email và nhiều loại văn bản khác chỉ bằng một thao tác đơn giản. Quan trọng hơn, AI không chỉ thực hiện chức năng dịch thuật mà còn có khả năng giải thích thuật ngữ chuyên môn, tóm tắt nội dung, so sánh các quan điểm khác nhau, trả lời câu hỏi, phân tích dữ liệu và tạo ra các bản tổng hợp theo yêu cầu của người sử dụng. Điều này giúp những người có trình độ ngoại ngữ hạn chế vẫn có thể tiếp cận một lượng lớn tri thức quốc tế mà trước đây họ gần như không có khả năng khai thác.

Nếu trong giai đoạn trước, người nghiên cứu cần nhiều giờ hoặc nhiều ngày để đọc một bài báo khoa học bằng ngoại ngữ và tra cứu các thuật ngữ chuyên ngành, thì hiện nay AI có thể hỗ trợ dịch, giải thích và tóm tắt nội dung chỉ trong vài phút. Tương tự, các doanh nghiệp nhỏ hoặc các cá nhân chưa thành thạo ngoại ngữ vẫn có thể trao đổi với khách hàng quốc tế thông qua các công cụ dịch thời gian thực, soạn thảo thư tín thương mại bằng nhiều ngôn ngữ hoặc tìm kiếm thông tin từ các nguồn tài liệu nước ngoài với sự hỗ trợ của AI. Có thể nói, AI đang làm giảm đáng kể rào cản ngôn ngữ trong việc tiếp cận thông tin và giao tiếp xuyên biên giới.

Sự thay đổi này dẫn đến một hệ quả quan trọng: ngoại ngữ không còn giữ vị thế là "công cụ độc quyền" để tiếp cận tri thức toàn cầu. Khoảng cách về khả năng tiếp cận thông tin giữa người biết ngoại ngữ và người không biết ngoại ngữ đang được thu hẹp nhanh chóng nhờ sự hỗ trợ của AI. Nếu trước đây, việc không biết ngoại ngữ đồng nghĩa với việc bị hạn chế trong tiếp cận các nguồn tài liệu quốc tế, thì ngày nay AI đã phần nào xóa bỏ rào cản đó bằng cách cung cấp các bản dịch và giải thích có chất lượng ngày càng cao.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng việc AI làm giảm tính độc quyền của ngoại ngữ không đồng nghĩa với việc ngoại ngữ mất đi giá trị. AI có thể giúp người dùng tiếp cận thông tin, nhưng không thể hoàn toàn thay thế năng lực hiểu biết sâu sắc về ngôn ngữ, văn hóa và bối cảnh giao tiếp. Các bản dịch do AI tạo ra vẫn có thể gặp khó khăn khi xử lý các hiện tượng ngữ dụng, hàm ý văn hóa, thành ngữ, ẩn dụ, lối chơi chữ hoặc các sắc thái biểu cảm tinh tế trong giao tiếp. Đặc biệt, trong các hoạt động đàm phán quốc tế, ngoại giao, nghiên cứu khoa học, truyền thông hay quản trị doanh nghiệp, khả năng trực tiếp sử dụng ngoại ngữ vẫn là yếu tố quyết định để xây dựng lòng tin, thiết lập quan hệ hợp tác và xử lý các tình huống phức tạp mà AI chưa thể thay thế hoàn toàn.

Từ góc độ giáo dục, sự thay đổi này đặt ra một yêu cầu mới đối với việc đào tạo ngoại ngữ. Nếu trước đây mục tiêu chủ yếu là giúp người học có khả năng tiếp cận thông tin bằng ngoại ngữ, thì trong bối cảnh AI, mục tiêu đó không còn đủ. Giáo dục ngoại ngữ cần chuyển trọng tâm từ việc đào

tạo người học sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp liên văn hóa và tiếp cận tri thức quốc tế sang phát triển năng lực *phân tích, đánh giá, kiểm chứng, sáng tạo và vận dụng tri thức quốc tế* thông qua sự kết hợp giữa ngoại ngữ và trí tuệ nhân tạo. Nói cách khác, AI đã làm thay đổi giá trị của ngoại ngữ từ vai trò là công cụ giao tiếp và tiếp cận thông tin sang vai trò là công cụ tạo lập tri thức, hợp tác quốc tế và giải quyết các vấn đề phức hợp trong môi trường đa ngôn ngữ.

## **2.2. Sự chuyển dịch giá trị của kỹ năng dịch thuật trong kỷ nguyên AI**

Trong số các lĩnh vực sử dụng ngoại ngữ, dịch thuật được xem là lĩnh vực chịu tác động sớm nhất và rõ rệt nhất từ sự phát triển của trí tuệ nhân tạo sinh. Nếu như trước đây, dịch thuật được xem là một nghề đòi hỏi nhiều năm đào tạo và tích lũy kinh nghiệm, thì hiện nay phần lớn các công việc dịch thông thường đã có thể được các hệ thống AI thực hiện với tốc độ rất cao, chi phí thấp và chất lượng ngày càng được cải thiện.

Sự thay đổi này không phải là kết quả của riêng ChatGPT mà là thành quả của quá trình phát triển liên tục của công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing - NLP). Khác với các thế hệ trước chỉ dịch từng câu hoặc từng đoạn văn một cách rời rạc, các hệ thống AI hiện đại có khả năng phân tích ngữ cảnh, nhận diện mục đích giao tiếp, duy trì tính nhất quán về thuật ngữ và điều chỉnh phong cách diễn đạt phù hợp với từng đối tượng người đọc.

Điều này làm thay đổi căn bản thị trường dịch thuật.

*Thứ nhất*, dịch thuật phổ thông đang mất dần giá trị kinh tế. Hiện nay, AI có thể thực hiện hiệu quả nhiều loại văn bản vốn trước đây là nguồn công việc chủ yếu của nhiều biên dịch viên tự do hoặc các công ty dịch thuật. Chẳng hạn: thư điện tử (email) trong giao dịch quốc tế; thư mời, thư cảm ơn và các loại thư tín thương mại; hợp đồng thương mại đơn giản và các biểu mẫu hành chính; website doanh nghiệp; tài liệu giới thiệu sản phẩm; hướng dẫn sử dụng thiết bị; tài liệu kỹ thuật phổ thông; báo cáo thường niên; hồ sơ năng lực doanh nghiệp; phụ đề video,... Đối với các loại văn bản này, AI không chỉ dịch nhanh mà còn có khả năng điều chỉnh văn phong theo mục đích sử dụng, kiểm tra ngữ pháp, sửa lỗi chính tả và đề xuất nhiều phương án diễn đạt khác nhau. Trong nhiều trường hợp, bản dịch do AI tạo ra đã đạt chất lượng đủ để sử dụng ngay hoặc chỉ cần chỉnh sửa rất ít trước khi phát hành. Chính vì vậy, nhu cầu thuê dịch các văn bản mang tính lặp lại hoặc có cấu trúc đơn giản đang giảm đáng kể. Thay vì thuê một biên dịch viên để dịch một tài liệu dài hàng chục trang, nhiều doanh nghiệp hiện nay lựa chọn sử dụng AI để tạo bản dịch ban đầu, sau đó chỉ thuê chuyên gia hiệu đính nếu cần. Mô hình này giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí. Sự thay đổi này đang làm giảm lợi thế cạnh tranh của những người chỉ có năng lực dịch thuật theo nghĩa truyền thống, tức là chuyển đổi ngôn ngữ từ văn bản nguồn sang văn bản đích mà không tạo ra giá trị gia tăng khác.

*Thứ hai*, AI không thay thế toàn bộ nghề dịch mà thay đổi quy trình dịch. Mặc dù AI đã đạt được những bước tiến vượt bậc, song điều đó không đồng nghĩa với việc nghề dịch thuật sẽ biến mất. Điều đang thay đổi không phải là sự tồn tại của nghề dịch mà là quy trình tạo ra bản dịch. Trong mô hình truyền thống, biên dịch viên thực hiện gần như toàn bộ quá trình dịch từ đầu đến cuối: đọc hiểu văn bản nguồn, tra cứu thuật ngữ, lựa chọn cách diễn đạt, chỉnh sửa và hoàn thiện bản dịch. Trong mô hình mới, AI đảm nhiệm phần lớn công việc chuyển đổi ngôn ngữ ban đầu, còn con người tập trung vào những công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn như đánh giá chất lượng, điều chỉnh nội dung và bảo đảm tính chính xác của thông tin. Nói cách khác, quy trình dịch thuật đang chuyển từ mô hình *bản dịch do con người thực hiện* (Human Translation) sang mô hình bản dịch có sự hỗ trợ của AI (AI-assisted Translation), trong đó AI trở thành "cộng sự" chứ không đơn thuần là công cụ. Điều này phản ánh xu hướng chung của nhiều ngành nghề trong kỷ nguyên AI: máy móc đảm nhận các công việc mang tính lặp lại, còn con người tập trung vào những hoạt động đòi hỏi hiểu biết chuyên môn, tư duy phân biện và khả năng ra quyết định.

*Thứ ba*, giá trị của nghề dịch đang chuyển sang các dịch vụ ngôn ngữ có hàm lượng tri thức cao. Một trong những thay đổi quan trọng nhất của thị trường dịch thuật hiện nay là sự dịch chuyển từ *dịch ngôn ngữ sang quản trị chất lượng ngôn ngữ*. Trong bối cảnh AI có thể tạo ra bản dịch ban đầu với tốc độ rất nhanh, giá trị của người làm nghề không còn nằm chủ yếu ở khả năng "dịch" mà nằm ở

khả năng bảo đảm chất lượng của bản dịch. Theo đó, nhu cầu đối với các năng lực như: hiệu đính (Editing), hậu biên tập (Post-editing), kiểm chứng thuật ngữ (Terminology Management), dịch chuyên ngành (Specialized Translation) đang gia tăng rõ rệt.

*Thứ tư*, thay đổi từ "người dịch" sang "chuyên gia ngôn ngữ". Sự phát triển của AI đang làm thay đổi bản chất của nghề dịch thuật. Nếu trước đây, giá trị của người dịch chủ yếu nằm ở khả năng chuyển đổi chính xác văn bản từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, thì hiện nay giá trị đó đang chuyển sang khả năng quản trị chất lượng ngôn ngữ, đánh giá sản phẩm do AI tạo ra và xử lý những tình huống giao tiếp phức tạp mà AI chưa thể giải quyết. Điều này đồng nghĩa với việc người học ngoại ngữ trong tương lai không thể chỉ được đào tạo để trở thành biên phiên dịch viên theo nghĩa truyền thống, mà cần được chuẩn bị để trở thành chuyên gia ngôn ngữ trong môi trường AI (AI-enabled Language Professionals). Bên cạnh năng lực ngôn ngữ, họ cần có kiến thức chuyên ngành, năng lực sử dụng AI, kỹ năng hậu biên tập, phân tích văn hóa và năng lực kiểm chứng thông tin.

Như vậy, AI không làm biến mất nghề dịch thuật mà đang thúc đẩy quá trình tái cấu trúc toàn bộ chuỗi giá trị của ngành công nghiệp ngôn ngữ. Những công việc mang tính lặp lại và tiêu chuẩn hóa sẽ dần được tự động hóa, trong khi giá trị của con người sẽ tập trung vào các hoạt động có hàm lượng tri thức, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp cao hơn. Đây chính là minh chứng rõ nét cho thấy AI không thay thế ngoại ngữ mà đang tái định nghĩa giá trị của năng lực ngoại ngữ trong nền kinh tế số.

### **2.3. Từ năng lực ngôn ngữ đến năng lực hành động bằng ngoại ngữ trong kỷ nguyên AI**

Một trong những thay đổi sâu sắc nhất mà trí tuệ nhân tạo tạo sinh mang lại không phải là việc làm giảm vai trò của ngoại ngữ, mà là làm thay đổi cách xã hội nhìn nhận và đánh giá năng lực ngoại ngữ của con người. Nếu trước đây, việc thành thạo ngoại ngữ chủ yếu được hiểu là khả năng nắm bắt kiến thức ngôn ngữ để nghe, nói, đọc, viết và dịch thuật, thì trong bối cảnh AI, cách tiếp cận này không còn phản ánh đầy đủ giá trị của người học ngoại ngữ.

Trong nhiều thập kỉ, chương trình đào tạo ngoại ngữ ở các trường phổ thông và đại học chủ yếu tập trung vào việc phát triển các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. Thành công của người học thường được đánh giá thông qua vốn từ vựng, khả năng ghi nhớ cấu trúc ngữ pháp, phát âm chính xác và kết quả của các bài kiểm tra chuẩn hóa. Nhiều kỳ thi quốc tế cũng dành tỷ trọng lớn để đánh giá bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Trong bối cảnh đó, người có vốn từ vựng lớn, khả năng sử dụng ngữ pháp chính xác, phát âm chuẩn và dịch thuật tốt thường được xem là người có năng lực ngoại ngữ cao.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn đã làm thay đổi căn bản tiêu chí đánh giá này. AI hiện nay có thể ghi nhớ và sử dụng hàng triệu từ vựng, vận dụng ngữ pháp gần như hoàn chỉnh, tạo lập văn bản với nhiều phong cách khác nhau và trả lời các câu hỏi bằng nhiều ngôn ngữ. Những ưu thế từng được xem là lợi thế riêng của con người trong việc sử dụng ngôn ngữ đang dần trở thành năng lực phổ biến của các hệ thống AI. Điều đó dẫn đến một thực tế mới: *khả năng sử dụng đúng ngôn ngữ không còn là yếu tố duy nhất tạo nên giá trị của người học ngoại ngữ*. Nếu trước đây câu hỏi quan trọng nhất là: "Bạn biết bao nhiêu từ, bao nhiêu cấu trúc ngữ pháp?" thì ngày nay câu hỏi quan trọng hơn là: "Bạn có thể làm được điều gì bằng ngoại ngữ mà AI chưa thể làm tốt?". Đây chính là sự chuyển dịch từ kỹ năng ngôn ngữ (Language Skills) sang năng lực ngoại ngữ (Foreign Language Competence), hay rộng hơn là năng lực hành động (Action Competence) bằng ngoại ngữ trong những bối cảnh nghề nghiệp và xã hội cụ thể. Nói cách khác, giá trị của ngoại ngữ không còn nằm chủ yếu ở khả năng *sử dụng đúng ngôn ngữ*, mà nằm ở khả năng *vận dụng ngôn ngữ để giải quyết các vấn đề thực tiễn, tương tác với con người và tạo ra giá trị mới*.

- *Từ khả năng biểu đạt đúng sang khả năng thương lượng, đàm phán, phản biện và tranh luận:*

Một thay đổi quan trọng khác là sự chuyển dịch từ giao tiếp ngôn ngữ sang giao tiếp chiến lược. AI có thể tạo ra một bài phát biểu rất lưu loát hoặc dịch gần như tức thời một cuộc hội thoại. Tuy nhiên, trong các cuộc thương lượng quốc tế, người thành công không phải là người nói đúng ngữ pháp nhất mà là người biết lựa chọn thời điểm, chiến lược và cách diễn đạt phù hợp để đạt được mục tiêu. Thương lượng luôn gắn với lợi ích, cảm xúc, niềm tin và mối quan hệ giữa con người với con

người. Người tham gia đàm phán phải đọc được tín hiệu phi ngôn ngữ, điều chỉnh chiến thuật theo phản ứng của đối tác, xây dựng lòng tin và đưa ra các quyết định trong điều kiện thông tin không đầy đủ. Những năng lực này đòi hỏi sự kết hợp giữa hiểu biết ngôn ngữ, kinh nghiệm xã hội và trí tuệ cảm xúc - những lĩnh vực mà AI hiện nay mới chỉ hỗ trợ chứ chưa thể thay thế. Vì vậy, thay vì chỉ đánh giá người học có *nói được ngoại ngữ hay không*, giáo dục đại học cần đánh giá liệu họ có *thương lượng được bằng ngoại ngữ hay không*.

Bên cạnh đó, một trong những khả năng nổi bật của AI là tạo lập văn bản có cấu trúc logic và diễn đạt ngôn ngữ trôi chảy. Tuy nhiên, AI không có niềm tin, quan điểm hay trách nhiệm học thuật theo nghĩa của con người. Một bài luận có thể được AI viết rất tốt về mặt hình thức nhưng vẫn chứa các lập luận thiếu căn cứ, dẫn chứng không chính xác hoặc thậm chí tạo ra những thông tin không có thật. Do đó, người học ngoại ngữ trong tương lai cần có khả năng: phân tích lập luận; đánh giá mức độ tin cậy của thông tin; phản biện các quan điểm khác nhau; xây dựng luận cứ dựa trên bằng chứng; bảo vệ quan điểm của mình trong các cuộc thảo luận học thuật và nghề nghiệp. Năng lực tranh luận, tư duy phản biện bằng ngoại ngữ vì vậy trở thành một biểu hiện quan trọng của tư duy bậc cao, vượt xa việc chỉ sử dụng đúng ngữ pháp hay từ vựng.

- *Từ trình bày thông tin sang năng lực thuyết trình và truyền cảm hứng:*

AI có thể giúp người dùng xây dựng dàn ý, viết bài phát biểu hoặc thiết kế bài trình chiếu trong thời gian rất ngắn. Tuy nhiên, thành công của một bài thuyết trình không chỉ phụ thuộc vào nội dung mà còn phụ thuộc vào khả năng kết nối với người nghe. Một diễn giả giỏi cần biết: lựa chọn thông điệp phù hợp; kể chuyện; sử dụng ngôn ngữ cơ thể; điều chỉnh tốc độ nói; tương tác với khán giả; xử lý các câu hỏi bất ngờ; truyền cảm hứng và tạo ảnh hưởng. Đây đều là những năng lực mang tính xã hội và cảm xúc mà AI chưa thể thay thế. Do đó, khả năng thuyết trình bằng ngoại ngữ sẽ trở thành một tiêu chí quan trọng hơn nhiều so với khả năng chỉ đọc hoặc viết đúng ngôn ngữ.

- *Từ sử dụng AI sang kiểm chứng AI:*

Có lẽ thay đổi quan trọng nhất trong kỉ nguyên AI là vai trò của con người chuyển từ người tạo nội dung sang người kiểm chứng và chịu trách nhiệm đối với nội dung do AI tạo ra. AI có thể dịch rất tốt, nhưng không phải lúc nào cũng chính xác. AI có thể viết rất thuyết phục, nhưng đôi khi lại tạo ra các trích dẫn không tồn tại, sử dụng thuật ngữ sai hoặc diễn giải lệch ý của văn bản gốc. Trong các lĩnh vực như luật, y học, khoa học hay ngoại giao, một sai sót nhỏ có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Chính vì vậy, người sử dụng ngoại ngữ trong tương lai cần có khả năng: phát hiện lỗi của AI; kiểm tra tính xác thực của nguồn thông tin; đối chiếu thuật ngữ chuyên ngành; đánh giá tính phù hợp về văn hóa và ngữ cảnh; chỉnh sửa nội dung để đáp ứng yêu cầu chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Nói cách khác, AI không thay thế con người trong việc chịu trách nhiệm đối với chất lượng của thông tin. Vai trò của con người đang chuyển từ người trực tiếp tạo ra mọi nội dung sang người giám sát, đánh giá và bảo đảm chất lượng của nội dung đó.

- *Từ "biết ngoại ngữ" đến "làm việc hiệu quả bằng ngoại ngữ":*

Những phân tích trên cho thấy sự thay đổi căn bản trong cách hiểu về năng lực ngoại ngữ. Trong kỉ nguyên AI, người học không còn được đánh giá chủ yếu qua số lượng từ vựng ghi nhớ, mức độ chính xác của ngữ pháp hay khả năng dịch thuật thuần túy. Thay vào đó, năng lực ngoại ngữ cần được nhìn nhận như năng lực hành động, tức khả năng huy động tổng hợp kiến thức ngôn ngữ, hiểu biết văn hóa, tư duy phản biện, năng lực số và khả năng hợp tác với AI để giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ học tập và nghề nghiệp. Sự chuyển dịch này đòi hỏi giáo dục ngoại ngữ phải thay đổi từ mục tiêu *đào tạo người biết ngoại ngữ* sang mục tiêu *đào tạo người có khả năng làm việc, sáng tạo và tạo ra giá trị bằng ngoại ngữ trong môi trường AI*.

### **3. AI và sự tái cấu trúc các nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ**

Một trong những lo ngại lớn nhất kể từ khi các hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh được ứng dụng rộng rãi là liệu AI có làm biến mất các nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ hay không. Sự phát triển nhanh chóng của các mô hình ngôn ngữ lớn với khả năng dịch thuật, viết văn bản, trả lời câu hỏi và giao tiếp bằng nhiều ngôn ngữ đã khiến không ít người cho rằng nhu cầu đối với biên dịch viên,

phiên dịch viên hay các chuyên gia ngôn ngữ sẽ nhanh chóng suy giảm. Nhiều sinh viên và phụ huynh cũng bắt đầu đặt câu hỏi về triển vọng của các ngành đào tạo ngoại ngữ trong bối cảnh AI ngày càng thông minh hơn.

Tuy nhiên, nếu nhìn từ góc độ kinh tế lao động và sự phát triển của công nghệ, có thể thấy rằng *AI không làm biến mất nghề ngoại ngữ mà đang tái cấu trúc toàn bộ hệ sinh thái nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ*. Lịch sử phát triển công nghệ cho thấy những đổi mới mang tính đột phá hiếm khi xóa bỏ hoàn toàn một nghề nghiệp; thay vào đó, chúng làm thay đổi nội dung công việc, yêu cầu về năng lực và cơ cấu nhu cầu nhân lực. Điều này cũng đang diễn ra đối với lĩnh vực ngoại ngữ.

Có thể dự báo rằng trong những năm tới, thị trường lao động ngoại ngữ sẽ diễn ra đồng thời hai xu hướng: suy giảm nhu cầu đối với các công việc mang tính lặp lại và tiêu chuẩn hóa, đồng thời gia tăng nhu cầu đối với các công việc đòi hỏi tư duy, sáng tạo, hiểu biết chuyên ngành và khả năng phối hợp với AI.

### 3.1. Những nghề nghiệp có xu hướng giảm nhu cầu

- *Biên dịch tài liệu phổ thông*: Biên dịch tài liệu phổ thông là nhóm nghề chịu tác động rõ rệt nhất từ AI. Các loại văn bản như thư điện tử, tài liệu giới thiệu doanh nghiệp, hướng dẫn sử dụng, báo cáo ngắn, hợp đồng mẫu, website hay tài liệu đào tạo cơ bản hiện nay đều có thể được AI dịch với chất lượng đủ đáp ứng phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp. Trước đây, các doanh nghiệp thường thuê biên dịch viên để xử lý khối lượng lớn tài liệu. Hiện nay, quy trình phổ biến là AI tạo bản dịch sơ bộ, sau đó chỉ cần một chuyên gia rà soát và chỉnh sửa. Điều này làm giảm đáng kể nhu cầu đối với những vị trí chỉ thực hiện công việc dịch thuật thông thường.

- *Phiên dịch trong các tình huống giao tiếp đơn giản*: Các công cụ dịch nói theo thời gian thực đang được tích hợp ngày càng phổ biến trên điện thoại thông minh, tai nghe thông minh và các nền tảng họp trực tuyến. Đối với các cuộc trao đổi ngắn, hướng dẫn du lịch, hỗ trợ khách hàng hoặc giao tiếp hành chính đơn giản, AI có thể đáp ứng tương đối hiệu quả. Do đó, nhu cầu đối với các phiên dịch viên chỉ thực hiện các cuộc hội thoại thông thường có xu hướng giảm. Tuy nhiên, điều này không áp dụng đối với phiên dịch hội nghị, phiên dịch ngoại giao, phiên dịch pháp lý hay phiên dịch y khoa, nơi yếu tố chính xác, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng xử lý tình huống vẫn giữ vai trò quyết định.

- *Biên tập ngôn ngữ cơ bản*: AI hiện nay có khả năng kiểm tra chính tả, sửa lỗi ngữ pháp, điều chỉnh văn phong và chuẩn hóa cấu trúc văn bản với chất lượng ngày càng cao. Những công việc trước đây do các biên tập viên ngôn ngữ đảm nhiệm đang được tự động hóa đáng kể. Vai trò của biên tập viên vì vậy cũng đang thay đổi, từ người sửa lỗi ngôn ngữ sang người chịu trách nhiệm về chất lượng nội dung, tính chính xác và mức độ phù hợp của văn bản.

- *Viết nội dung thông thường*: Các nội dung có cấu trúc lặp lại như: email, mô tả sản phẩm, bài đăng mạng xã hội, tin tức ngắn, nội dung quảng bá cơ bản, thông cáo báo chí, đều có thể được AI tạo ra rất nhanh. Điều này khiến nhu cầu đối với những người chỉ thực hiện công việc viết nội dung đơn giản giảm dần. Tuy nhiên, các hoạt động sáng tạo nội dung mang tính chiến lược, xây dựng thương hiệu hoặc kể chuyện (storytelling) vẫn cần đến con người.

### 3.2. Những nghề nghiệp mới đang gia tăng mạnh

Nếu AI làm giảm nhu cầu đối với các công việc mang tính lặp lại thì đồng thời cũng tạo ra nhiều nghề nghiệp hoàn toàn mới, trong đó ngoại ngữ tiếp tục đóng vai trò quan trọng.

- *AI Language Trainer (Huấn luyện viên ngôn ngữ AI)*: Đây là nhóm chuyên gia chịu trách nhiệm huấn luyện các mô hình AI hiểu và sử dụng ngôn ngữ chính xác hơn. Họ xây dựng dữ liệu huấn luyện, đánh giá phản hồi của AI, sửa lỗi ngôn ngữ, cải thiện khả năng hội thoại và giúp AI thích ứng với từng nền văn hóa. Đây là công việc đòi hỏi hiểu biết sâu về ngôn ngữ học, ngữ dụng học, văn hóa và công nghệ AI.

- *Chuyên gia thiết kế lời nhắc đa ngôn ngữ (Prompt Engineer đa ngôn ngữ)*: Trong môi trường AI, chất lượng kết quả phụ thuộc rất lớn vào chất lượng của câu lệnh (prompt). *Chuyên gia thiết kế lời nhắc đa ngôn ngữ* không chỉ biết ngoại ngữ mà còn biết cách diễn đạt yêu cầu để AI tạo ra kết quả

tối ưu bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Đây là sự kết hợp giữa năng lực ngôn ngữ, tư duy logic và hiểu biết về AI.

- *Chuyên gia thẩm định nội dung AI (AI Content Reviewer)*: Mặc dù AI có thể tạo ra nội dung rất nhanh nhưng vẫn tồn tại hiện tượng thiên lệch dữ liệu hoặc sai lệch về văn hóa. *Chuyên gia thẩm định nội dung AI* có nhiệm vụ: kiểm tra độ chính xác; đánh giá tính phù hợp; phát hiện thông tin sai; rà soát đạo đức; chỉnh sửa nội dung trước khi công bố. Đây sẽ là một nghề có nhu cầu lớn trong các doanh nghiệp sử dụng AI.

- *Chuyên gia bản địa hóa ngôn ngữ và văn hóa (Localization Specialist)*: Khi các doanh nghiệp mở rộng ra thị trường toàn cầu, việc bản địa hóa sản phẩm trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. *Chuyên gia bản địa hóa ngôn ngữ và văn hóa* không chỉ là dịch ngôn ngữ mà còn điều chỉnh: cách diễn đạt, luật pháp, hành vi tiêu dùng, yếu tố văn hóa,... để phù hợp với từng quốc gia.

- *Chuyên gia tư vấn liên văn hóa (Cross-cultural Consultant)*: Trong nền kinh tế toàn cầu, thành công của hợp tác quốc tế phụ thuộc rất lớn vào sự hiểu biết văn hóa. Chuyên gia tư vấn liên văn hóa giúp doanh nghiệp: tránh xung đột văn hóa; xây dựng chiến lược giao tiếp; đào tạo nhân viên quốc tế; tư vấn đàm phán xuyên văn hóa. Đây là lĩnh vực mà AI hiện nay còn nhiều hạn chế.

- *Chuyên gia đạo đức AI (AI Ethics Specialist)*: AI đang được sử dụng để tạo ra khối lượng lớn nội dung bằng nhiều ngôn ngữ. Điều này đặt ra các vấn đề về: đạo đức; quyền riêng tư; bản quyền; thiên lệch dữ liệu; phân biệt đối xử. Những chuyên gia có khả năng đánh giá các vấn đề đạo đức trong nội dung đa ngôn ngữ sẽ trở thành lực lượng quan trọng trong tương lai.

- *Quản lý truyền thông toàn cầu (Global Communication)*: Đây là vị trí chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược truyền thông toàn cầu cho doanh nghiệp. AI có thể hỗ trợ tạo nội dung nhưng việc lựa chọn thông điệp, quản lý khủng hoảng, duy trì hình ảnh thương hiệu và giao tiếp với các bên liên quan vẫn cần năng lực của con người.

- *Chuyên viên hợp tác quốc tế (International Partnership Officer)*: Hoạt động hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng trong giáo dục, khoa học và doanh nghiệp. Những cán bộ phụ trách hợp tác quốc tế không chỉ cần sử dụng thành thạo ngoại ngữ mà còn phải hiểu luật pháp, văn hóa, kỹ năng đàm phán và quản lý dự án quốc tế. AI có thể hỗ trợ chuẩn bị tài liệu nhưng không thể thay thế vai trò xây dựng quan hệ và tạo dựng lòng tin.

- *Chuyên gia quản lý dữ liệu đa ngôn ngữ (Multilingual Data Curator)*: Các mô hình AI cần khối lượng dữ liệu đa ngôn ngữ rất lớn để tiếp tục được cải thiện. *Chuyên gia quản lý dữ liệu đa ngôn ngữ* là người: thu thập dữ liệu; làm sạch dữ liệu; làm sống dữ liệu; gắn nhãn dữ liệu; chuẩn hóa thuật ngữ; đánh giá chất lượng dữ liệu. Đây là nghề hoàn toàn mới hình thành cùng với sự phát triển của AI.

3.3. Từ lao động ngôn ngữ sang lao động tri thức

Nhìn tổng thể, có thể thấy AI đang thúc đẩy quá trình chuyển dịch của thị trường lao động ngoại ngữ từ mô hình dựa trên kỹ năng ngôn ngữ sang mô hình dựa trên năng lực tri thức. Trong mô hình cũ, giá trị của người lao động chủ yếu nằm ở khả năng nghe, nói, đọc, viết và dịch thuật. Trong mô hình mới, giá trị đó được quyết định bởi khả năng kết hợp ngoại ngữ với tư duy phân tích, hiểu biết chuyên ngành, giao tiếp liên văn hóa, năng lực số và khả năng khai thác AI để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Có thể khái quát sự chuyển dịch này như sau:

| Mô hình truyền thống                            | Mô hình trong kỉ nguyên AI                                  |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Con người thực hiện phần lớn công việc ngôn ngữ | AI thực hiện phần lớn thao tác ngôn ngữ                     |
| Giá trị nằm ở khả năng dịch và sử dụng ngôn ngữ | Giá trị nằm ở khả năng phân tích, đánh giá và ra quyết định |
| Lao động dựa trên kỹ năng                       | Lao động dựa trên tri thức và sáng tạo                      |
| Cạnh tranh bằng trình độ ngoại ngữ              | Cạnh tranh bằng năng lực kết hợp ngoại ngữ với AI           |

Nói cách khác, AI làm phần ngôn ngữ, còn con người làm phần tư duy. Máy có thể chuyển đổi ngôn ngữ với tốc độ rất cao, nhưng con người vẫn giữ vai trò trung tâm trong việc xác định mục tiêu, đánh giá chất lượng, chịu trách nhiệm về nội dung, xử lý các vấn đề đạo đức, hiểu bối cảnh văn hóa và đưa ra các quyết định mang tính chiến lược. Đây chính là sự thay đổi có ý nghĩa quyết định đối với giáo dục đại học. Mục tiêu của các chương trình đào tạo ngoại ngữ không còn là đào tạo những người làm thay AI, mà là đào tạo những người biết khai thác AI để tạo ra giá trị mới. Vì vậy, các khoa ngoại ngữ cần chuyển từ đào tạo "người giỏi ngoại ngữ" sang đào tạo "chuyên gia ngôn ngữ trong kỉ nguyên AI", những người có khả năng kết hợp năng lực ngoại ngữ, hiểu biết liên văn hóa, tư duy phân biện, kiến thức chuyên ngành và năng lực AI để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động đang chuyển đổi nhanh chóng.

#### **4. Đổi mới đào tạo ngoại ngữ ở các trường đại học trong kỉ nguyên AI**

Những phân tích ở các phần trên cho thấy AI không làm mất đi vai trò của ngoại ngữ mà đang làm thay đổi căn bản cách con người sử dụng ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và làm việc. Điều đó đồng nghĩa với việc mô hình đào tạo ngoại ngữ truyền thống, vốn được xây dựng trên giả định rằng người học phải tự mình thực hiện toàn bộ các hoạt động ngôn ngữ, không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thị trường lao động trong thời đại AI. Trong nhiều năm qua, phần lớn các chương trình đào tạo ngoại ngữ tại các trường đại học ở Việt Nam tập trung vào việc phát triển bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; đồng thời bổ sung các học phần về ngôn ngữ học, văn học, đất nước học, biên dịch và phiên dịch. Cách tiếp cận này đã góp phần đào tạo đội ngũ giáo viên, biên dịch viên và phiên dịch viên có chất lượng. Tuy nhiên, trong bối cảnh AI có thể đảm nhận ngày càng nhiều thao tác ngôn ngữ, mục tiêu đào tạo chỉ dừng ở việc giúp người học "biết ngoại ngữ" sẽ không còn đủ. Do đó, giáo dục ngoại ngữ đại học cần chuyển từ mô hình *đào tạo năng lực ngôn ngữ sang đào tạo năng lực làm việc bằng ngoại ngữ trong môi trường AI*. Sự chuyển đổi này không chỉ đòi hỏi điều chỉnh nội dung chương trình mà còn cần thay đổi mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, phương pháp giảng dạy, đánh giá người học và mối quan hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp.

##### **4.1. Chuyển từ đào tạo "người biết ngoại ngữ" sang đào tạo "người làm việc được bằng ngoại ngữ"**

Đây là thay đổi mang tính nền tảng của giáo dục ngoại ngữ trong kỉ nguyên AI. Trong mô hình truyền thống, mục tiêu đào tạo chủ yếu là giúp người học sử dụng đúng ngôn ngữ. Chương trình thường tập trung vào việc mở rộng vốn từ, củng cố ngữ pháp, nâng cao khả năng nghe, nói, đọc, viết và dịch thuật. Thành công của người học được đánh giá thông qua các kỳ thi chuẩn hóa hoặc các bài kiểm tra năng lực ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong môi trường làm việc hiện đại, doanh nghiệp không chỉ cần những người biết ngoại ngữ, mà cần những người có thể sử dụng ngoại ngữ để giải quyết công việc. Điều này có nghĩa là người tốt nghiệp ngành ngoại ngữ phải có khả năng: tìm kiếm và xử lý thông tin quốc tế; làm việc trong các nhóm đa văn hóa; thương lượng với đối tác nước ngoài; quản lý các dự án hợp tác quốc tế; khai thác AI để nâng cao hiệu quả công việc; giải quyết các tình huống nghề nghiệp bằng ngoại ngữ. Ví dụ, một cử nhân tiếng Anh làm việc tại doanh nghiệp logistics không chỉ cần giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn phải đọc hiểu hợp đồng vận tải quốc tế, trao đổi với khách hàng nước ngoài, xử lý chứng từ, phối hợp với các đối tác ở nhiều quốc gia và sử dụng các nền tảng số để quản lý chuỗi cung ứng. Tương tự, một cử nhân ngoại ngữ làm việc trong lĩnh vực giáo dục không chỉ cần giảng dạy ngoại ngữ mà còn phải biết thiết kế học liệu số, khai thác AI trong giảng dạy, tổ chức lớp học trực tuyến và hướng dẫn người học sử dụng AI một cách có trách nhiệm. Như vậy, mục tiêu đào tạo cần được chuyển từ việc phát triển *năng lực sử dụng ngôn ngữ sang năng lực hành động bằng ngoại ngữ* (action competence), trong đó ngoại ngữ là phương tiện để thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp và tạo ra giá trị.

##### **4.2. Tích hợp ngoại ngữ với chuyên ngành và công nghệ**

Một xu hướng nổi bật của giáo dục đại học trên thế giới là đào tạo ngoại ngữ gắn với các lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Trong bối cảnh mới, việc đào tạo một cử nhân chỉ có năng lực ngôn ngữ nhưng

thiếu hiểu biết về lĩnh vực nghề nghiệp sẽ khó đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Ngược lại, người có khả năng kết hợp ngoại ngữ với chuyên môn sẽ có lợi thế cạnh tranh rõ rệt.

Các chương trình đào tạo có thể được thiết kế theo hướng tích hợp, liên ngành như:

- Ngôn ngữ (Anh, Trung, Nhật, Hàn, Pháp) và Quản trị Kinh doanh, chú trọng giao tiếp thương mại, đàm phán quốc tế, marketing toàn cầu và quản trị doanh nghiệp.

- Ngôn ngữ (Anh, Trung, Nhật, Hàn, Pháp) và Du lịch, gắn với quản trị khách sạn, hướng dẫn du lịch, dịch vụ khách hàng.

- Ngôn ngữ (Anh, Trung, Nhật, Hàn, Pháp) và Logistics, tập trung vào chứng từ, vận tải quốc tế, thương mại điện tử và chuỗi cung ứng,...

Sự tích hợp này giúp người học không chỉ "biết tiếng ngoại ngữ" mà còn "làm việc bằng ngoại ngữ" trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

#### **4.3. Xem AI là công cụ học tập và làm việc, không phải đối tượng bị cấm**

Một thực tế đang diễn ra ở nhiều trường đại học là AI vẫn được nhìn nhận chủ yếu như một nguy cơ đối với tính trung thực học thuật, liên chính học thuật. Nhiều giảng viên lo ngại rằng sinh viên sẽ sử dụng AI để làm bài tập, viết luận hoặc dịch tài liệu thay vì tự học. Tuy nhiên, việc cấm sử dụng AI không chỉ khó khả thi mà còn khiến người học mất cơ hội phát triển một năng lực ngày càng trở nên thiết yếu trong thị trường lao động. Do đó, giáo dục đại học cần chuyển từ tư duy "kiểm soát AI" sang "giáo dục năng lực sử dụng AI". Điều này có nghĩa là sinh viên cần được đào tạo để biết: đặt câu lệnh (prompt) rõ ràng và hiệu quả; lựa chọn công cụ AI phù hợp với từng nhiệm vụ; đánh giá chất lượng và độ tin cậy của kết quả do AI tạo ra; phát hiện và sửa các lỗi về ngữ nghĩa, thuật ngữ hoặc văn hóa; sử dụng AI một cách có trách nhiệm, tôn trọng bản quyền và chuẩn mực đạo đức học thuật. Nói cách khác, AI cần được xem là một *đối tác học tập* (learning partner) hơn là một "đối thủ" của người học. Vai trò của giảng viên cũng cần thay đổi, từ người truyền đạt tri thức sang người hướng dẫn sinh viên khai thác AI để học tập hiệu quả, đồng thời phát triển tư duy phản biện và năng lực tự học.

#### **4.4. Đổi mới chuẩn đầu ra theo hướng tích hợp năng lực**

Trong nhiều năm qua, chuẩn đầu ra của các chương trình ngoại ngữ chủ yếu được xác định dựa trên Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR), Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Khung 6 bậc) hoặc các khung năng lực, các bài thi quốc tế tương đương. Mặc dù CEFR, Khung 6 bậc vẫn là nền tảng quan trọng để đánh giá năng lực ngôn ngữ, nhưng trong bối cảnh AI, việc chỉ dựa vào CEFR, Khung 6 bậc không còn phản ánh đầy đủ năng lực của người học.

Các chương trình đào tạo cần bổ sung những nhóm năng lực mới, bao gồm:

- Năng lực AI (AI Literacy): hiểu nguyên lý hoạt động của AI, sử dụng hiệu quả các công cụ AI và nhận diện các giới hạn của AI.

- Năng lực số (Digital Literacy): sử dụng thành thạo các nền tảng số, công cụ cộng tác trực tuyến và môi trường làm việc số.

- Năng lực thông tin (Information Literacy): tìm kiếm, đánh giá, chọn lọc và kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

- Tư duy phản biện (Critical Thinking): phân tích lập luận, phát hiện sai lệch, đánh giá bằng chứng và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Năng lực giao tiếp liên văn hóa (Cross-cultural Communication): hiểu và thích ứng với các khác biệt văn hóa trong giao tiếp, hợp tác và đàm phán quốc tế.

Những năng lực này cần được tích hợp vào chuẩn đầu ra và đánh giá thông qua các nhiệm vụ thực tiễn như dự án nhóm, mô phỏng đàm phán quốc tế, xử lý tình huống nghề nghiệp hoặc đánh giá khả năng hợp tác với AI.

#### **4.5. Thiết kế lại chương trình đào tạo theo hướng liên ngành và gắn với doanh nghiệp**

Đổi mới mục tiêu và chuẩn đầu ra chỉ có ý nghĩa khi được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo. Một chương trình ngoại ngữ trong kỷ nguyên AI không nên chỉ bao gồm các học phần về ngôn ngữ và văn hóa mà cần được xây dựng theo một lộ trình phát triển năng lực tích hợp:

*Kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ → Hiểu biết văn hóa và giao tiếp liên văn hóa → Năng lực AI và công nghệ số → Quản trị dữ liệu và thông tin đa ngôn ngữ → Kỹ năng số và cộng tác trực tuyến → Giao tiếp và hợp tác quốc tế trong môi trường nghề nghiệp → Thực tập doanh nghiệp và trải nghiệm thực tế.*

Trong mô hình này, mỗi giai đoạn học tập đều hướng đến việc chuẩn bị cho người học khả năng giải quyết các nhiệm vụ nghề nghiệp bằng ngoại ngữ. Các học phần về AI, phân tích dữ liệu ngôn ngữ, quản lý dự án quốc tế, đạo đức AI, truyền thông số và kĩ năng nghề nghiệp cần được tích hợp với các học phần truyền thống về ngôn ngữ và văn hóa.

Đặc biệt, mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp cần được tăng cường. Doanh nghiệp không chỉ là nơi tiếp nhận sinh viên thực tập mà cần tham gia vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo, xác định chuẩn đầu ra, tổ chức các dự án học tập thực tế và đánh giá năng lực nghề nghiệp của sinh viên. Cách tiếp cận này sẽ giúp rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu sử dụng lao động, đồng thời bảo đảm chương trình luôn được cập nhật trước những thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường.

## **5. Đề xuất mô hình đào tạo ngoại ngữ tích hợp AI trong giáo dục đại học**

### **5.1. Cơ sở đề xuất mô hình**

Qua khảo sát các chương trình đào tạo ngoại ngữ hiện nay tại nhiều trường đại học cho thấy nội dung chương trình vẫn chủ yếu tập trung vào bốn kĩ năng ngôn ngữ truyền thống, trong khi các năng lực mới như sử dụng AI, quản trị dữ liệu, tư duy phản biện, giao tiếp số và hợp tác quốc tế mới chỉ được đề cập ở mức hạn chế. Khoảng cách giữa chương trình đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động vì vậy đang có xu hướng gia tăng.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết đề xuất mô hình đào tạo ngoại ngữ tích hợp AI (AI-Integrated Foreign Language Education Model - AIFLEM) nhằm định hướng đổi mới chương trình đào tạo ngoại ngữ trong giáo dục đại học.

Mô hình được xây dựng trên ba nguyên tắc cơ bản:

Thứ nhất, ngoại ngữ không còn là mục tiêu cuối cùng của đào tạo mà trở thành công cụ để học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường quốc tế, môi trường đa văn hóa.

Thứ hai, AI không phải là đối tượng cạnh tranh với người học mà là một thành tố của quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp.

Thứ ba, năng lực của người học được hình thành thông qua sự tích hợp giữa năng lực ngôn ngữ, năng lực số, tư duy phản biện, hiểu biết liên văn hóa và năng lực nghề nghiệp.

Theo cách tiếp cận này, chương trình đào tạo ngoại ngữ cần chuyển từ mô hình tuyến tính dựa trên các kĩ năng ngôn ngữ sang mô hình tích hợp dựa trên năng lực.

### **5.2. Cấu trúc của mô hình AIFLEM**

Mô hình AIFLEM gồm sáu hợp phần có mối quan hệ kế thừa và bổ trợ lẫn nhau.

(1) Năng lực ngoại ngữ (Foreign Language Competence)

↓

(2) Năng lực AI (AI Literacy)

↓

(3) Năng lực giao tiếp số (Digital Communication)

↓

(4) Tư duy phản biện (Critical Thinking)

↓

(5) Năng lực liên văn hóa (Intercultural Competence)

↓

(6) Năng lực nghề nghiệp (Professional Competence)

Khác với các chương trình đào tạo truyền thống chỉ nhấn mạnh năng lực ngôn ngữ, AIFLEM coi ngoại ngữ là nền tảng để phát triển các năng lực bậc cao hơn. Sáu hợp phần này tạo thành một chuỗi năng lực liên tục, trong đó mỗi hợp phần là điều kiện để phát triển hợp phần tiếp theo.

**Hợp phần 1: Năng lực ngoại ngữ (Foreign Language Competence)**

Đây là nền tảng của toàn bộ mô hình. Người học trước hết phải có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách thành thạo thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đồng thời phát triển vốn từ vựng, ngữ pháp, phát âm và năng lực diễn đạt phù hợp với các bối cảnh giao tiếp khác nhau. Tuy nhiên, khác với mô hình đào tạo truyền thống, năng lực ngoại ngữ trong AIFLEM không dừng lại ở việc sử dụng đúng ngôn ngữ mà hướng tới khả năng sử dụng ngoại ngữ để thực hiện các nhiệm vụ học thuật và nghề nghiệp. Mục tiêu của hợp phần này là giúp người học đạt trình độ ngoại ngữ đủ để tham gia môi trường học tập và làm việc toàn cầu.

**Hợp phần 2: Năng lực AI (AI Literacy)**

Trong kỷ nguyên AI, khả năng sử dụng AI hiệu quả đã trở thành một năng lực nghề nghiệp quan trọng. *Năng lực AI* không chỉ là biết sử dụng ChatGPT hay các công cụ AI khác, mà bao gồm: hiểu nguyên lý hoạt động của AI; nhận biết điểm mạnh và điểm yếu của AI; thiết kế prompt hiệu quả; đánh giá kết quả do AI tạo ra; phát hiện sai sót của AI; sử dụng AI đúng chuẩn mực đạo đức. Sinh viên cần được học cách hợp tác với AI trong các nhiệm vụ như: dịch thuật; viết học thuật; nghiên cứu tài liệu; phân tích dữ liệu; chuẩn bị bài thuyết trình; hỗ trợ giao tiếp quốc tế. Mục tiêu không phải là để AI làm thay người học mà là giúp người học khai thác AI như một cộng sự trí tuệ.

**Hợp phần 3: Năng lực giao tiếp số (Digital Communication)**

Hoạt động giao tiếp quốc tế hiện nay phần lớn diễn ra trên các nền tảng số. Do đó, người học ngoại ngữ cần có khả năng: giao tiếp trực tuyến; làm việc nhóm xuyên quốc gia; sử dụng các nền tảng hội nghị trực tuyến; quản lý truyền thông số; hợp tác trên các nền tảng điện toán đám mây; xây dựng nội dung đa phương tiện bằng nhiều ngôn ngữ. *Năng lực giao tiếp số* không chỉ bao gồm kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn bao gồm năng lực lựa chọn hình thức giao tiếp phù hợp với từng bối cảnh.

**Hợp phần 4: Tư duy phản biện (Critical Thinking)**

Trong thời đại AI, thông tin không còn là yếu tố khan hiếm. Điều quan trọng là khả năng đánh giá thông tin. AI có thể tạo ra hàng nghìn câu trả lời khác nhau, nhưng người học phải biết: câu trả lời nào đúng; thông tin nào đáng tin cậy; lập luận nào hợp lý; bằng chứng nào đủ sức thuyết phục. Do đó, chương trình đào tạo cần phát triển: tư duy phản biện; tư duy logic; kỹ năng tranh luận; đánh giá nguồn tài liệu; kiểm chứng thông tin. Đây là năng lực mà AI hiện nay chưa thể thay thế con người.

**Hợp phần 5: Năng lực liên văn hóa (Intercultural Competence)**

Trong môi trường toàn cầu hóa, giao tiếp hiệu quả không chỉ phụ thuộc vào khả năng sử dụng đúng ngôn ngữ mà còn phụ thuộc vào khả năng hiểu văn hóa. *Năng lực liên văn hóa* bao gồm: hiểu sự khác biệt văn hóa; thích nghi với môi trường đa văn hóa; xử lý xung đột văn hóa; thương lượng quốc tế; giao tiếp ngoại giao; quản trị đa dạng văn hóa. Vì vậy, đây sẽ là một trong những năng lực quan trọng nhất của người học ngoại ngữ trong tương lai.

**Hợp phần 6: Năng lực nghề nghiệp (Professional Competence)**

Đây là đích đến cuối cùng của toàn bộ mô hình. Mục tiêu của đào tạo ngoại ngữ không phải là đào tạo những người biết ngoại ngữ, mà là đào tạo những người làm việc được bằng ngoại ngữ. Bên cạnh những năng lực: làm việc nhóm quốc tế; quản lý dự án; giải quyết vấn đề; sáng tạo; lãnh đạo; quản trị thời gian; đạo đức nghề nghiệp; học tập suốt đời, năng lực nghề nghiệp còn đòi hỏi người học có kiến thức chuyên ngành để có thể làm việc trong các lĩnh vực như: kinh doanh; luật; AI; giáo dục; du lịch; logistics; truyền thông; công nghệ. Điều này phản ánh xu hướng chuyển từ đào tạo cử nhân ngoại ngữ sang đào tạo nguồn nhân lực liên ngành có khả năng sử dụng ngoại ngữ như một công cụ nghề nghiệp.

**5.3. Ý nghĩa của mô hình AIFLEM**

Mô hình AIFLEM thể hiện sự chuyển dịch căn bản trong triết lý đào tạo ngoại ngữ từ cách tiếp cận dựa trên kỹ năng sang cách tiếp cận dựa trên năng lực tích hợp. Thay vì xem ngoại ngữ là mục tiêu cuối cùng, mô hình coi ngoại ngữ là nền tảng để phát triển các năng lực cần thiết trong nền kinh tế số và xã hội tri thức.

Điểm mới của AIFLEM là đặt *Năng lực AI* như một hợp phần cốt lõi, kết nối năng lực ngôn ngữ với giao tiếp số, tư duy phản biện, năng lực liên văn hóa và năng lực nghề nghiệp. Nhờ đó, người học không chỉ sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp mà còn biết khai thác AI, đánh giá thông tin, hợp tác trong môi trường số và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh toàn cầu hóa. Từ góc độ quản lý giáo dục, AIFLEM có thể được sử dụng như một khung tham chiếu để các trường đại học thiết kế lại chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra, lựa chọn phương pháp giảng dạy và đánh giá năng lực người học. Từ góc độ thị trường lao động, mô hình góp phần định hướng đào tạo nguồn nhân lực ngoại ngữ có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong thời đại AI.

Có thể khẳng định rằng, AIFLEM là một gợi mở, không phủ nhận giá trị của năng lực ngoại ngữ truyền thống mà mở rộng và tái định nghĩa năng lực ngoại ngữ như một hệ năng lực tích hợp giữa ngôn ngữ, công nghệ, tư duy và nghề nghiệp. Đây chính là hướng chuyển đổi mà các chương trình đào tạo ngoại ngữ ở giáo dục đại học cần theo đuổi trong những năm tới để bảo đảm tính thích ứng, tính cạnh tranh và tính bền vững trong kỉ nguyên trí tuệ nhân tạo.

## 6. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn, đang làm thay đổi căn bản cách con người học tập, sử dụng và khai thác ngoại ngữ. Những chức năng từng được xem là lợi thế nổi bật của người biết ngoại ngữ như dịch thuật, viết học thuật, giao tiếp hay xử lý thông tin đa ngôn ngữ hiện nay đều có thể được AI hỗ trợ với chất lượng ngày càng cao. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy AI không làm suy giảm vai trò của ngoại ngữ mà đang tái định nghĩa khái niệm năng lực ngoại ngữ, vai trò của ngoại ngữ trong bối cảnh chuyển đổi số.

Theo đó, năng lực ngoại ngữ trong kỉ nguyên AI không còn được hiểu đơn thuần là khả năng sử dụng ngôn ngữ hay dịch thuật, mà là *năng lực tích hợp* giữa năng lực ngôn ngữ, năng lực AI, năng lực số, tư duy phản biện, giao tiếp liên văn hóa và năng lực nghề nghiệp. Giá trị của người học ngoại ngữ vì vậy không nằm ở việc cạnh tranh với AI trong các thao tác ngôn ngữ, mà ở khả năng khai thác AI để giải quyết các vấn đề học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp quốc tế. Đồng thời, AI không làm mất đi các nghề nghiệp liên quan đến ngoại ngữ mà đang tái cấu trúc thị trường lao động, làm giảm nhu cầu đối với các công việc mang tính lặp lại và gia tăng nhu cầu đối với các vị trí đòi hỏi sự kết hợp giữa ngoại ngữ, công nghệ và tư duy sáng tạo.

Từ những phân tích đó, bài viết khẳng định rằng giáo dục ngoại ngữ đại học cần chuyển đổi từ mô hình đào tạo "người biết ngoại ngữ" sang đào tạo "người làm việc hiệu quả bằng ngoại ngữ trong môi trường AI". Chương trình đào tạo cần được thiết kế theo hướng tích hợp ngoại ngữ với chuyên ngành, AI, công nghệ số và kĩ năng nghề nghiệp; đồng thời đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá và chuẩn đầu ra nhằm phát triển năng lực toàn diện của người học.

Đóng góp chính của bài báo là đề xuất mô hình đào tạo ngoại ngữ tích hợp AI (AIFLEM) như một khung lý thuyết định hướng cho đổi mới giáo dục ngoại ngữ ở bậc đại học. Mô hình gồm sáu hợp phần: (1) năng lực ngoại ngữ, (2) năng lực AI, (3) giao tiếp số, (4) tư duy phản biện, (5) năng lực liên văn hóa và (6) năng lực nghề nghiệp, phản ánh yêu cầu của nguồn nhân lực trong nền kinh tế số và thị trường lao động toàn cầu.

Mặc dù AIFLEM mới được xây dựng trên cơ sở tổng hợp lí luận và phân tích xu hướng phát triển của AI, mô hình này là một gợi mở, có thể được sử dụng như một khung tham chiếu cho việc thiết kế chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển học liệu ngoại ngữ trong các trường đại học. Các nghiên cứu tiếp theo cần kiểm chứng mô hình thông qua khảo sát thực nghiệm, đồng thời xây dựng các chỉ báo và công cụ đánh giá từng nhóm năng lực trong bối cảnh giáo dục đại học.

Có thể khẳng định rằng, sự phát triển của AI không phải là điểm kết thúc của ngoại ngữ mà là động lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi toàn diện giáo dục ngoại ngữ. Trong kỉ nguyên trí tuệ nhân tạo, lợi thế cạnh tranh sẽ không thuộc về người chỉ biết ngoại ngữ hay chỉ biết sử dụng AI, mà thuộc về những người có khả năng kết hợp ngoại ngữ với AI để học tập, đổi mới sáng tạo, hợp tác quốc tế

và tạo ra giá trị mới. Đây cũng chính là định hướng mà giáo dục ngoại ngữ đại học cần theo đuổi nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại số.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Đề án Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Khung năng lực số cho người học*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Chiến lược chuyển đổi số giáo dục đại học*.
5. Chính phủ (2021), *Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030"*.
6. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2023), *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam*.

#### Tiếng Anh

7. Aoun, J. E. (2017), *Robot-Proof: Higher Education in the Age of Artificial Intelligence*. MIT Press.
8. Common European Framework of Reference for Languages (CEFR). (2020), *Companion Volume with New Descriptors*. Council of Europe.
9. European Commission. (2022), *Digital Competence Framework for Citizens (DigComp 2.2)*.
10. European Commission. (2017), *European Framework for the Digital Competence of Educators (DigCompEdu)*.
11. Godwin-Jones, R. (2023), Generative AI and language learning. *Language Learning & Technology*.
12. OECD. (2021), *AI and the Future of Skills*.
13. OECD. (2023), *Generative AI in Education: Opportunities and Challenges*.
14. OpenAI. (2023), *GPT-4 Technical Report*.
15. OpenAI. (2025), *OpenAI Education Report*.

### Redefining the role of foreign languages in the age of artificial intelligence: a proposed transformation model for higher education

**Abstract:** The rapid advancement of generative artificial intelligence, particularly large language models, is transforming the ways in which people use foreign languages for learning, work, and international communication. Drawing on a comprehensive review and analysis of international literature, this paper examines the impact of AI on the role of foreign languages and the evolving nature of foreign language competence in the digital era. The findings indicate that AI does not diminish the value of foreign languages; rather, it redefines foreign language competence as an integrated construct encompassing linguistic proficiency, intercultural communicative competence, digital competence, AI literacy, critical thinking, and global professional competence. Based on these findings, the paper proposes an AI-integrated foreign language education model for higher education institutions to guide the redesign of learning outcomes, curriculum development, teaching methodologies, and student assessment. This study contributes to the theoretical understanding of foreign language competence in the age of AI while offering practical implications for higher education institutions and policymakers in developing a workforce capable of meeting the demands of the digital economy and global integration.

**Key words:** Generative artificial intelligence (Generative AI); foreign language competence; higher education; AI literacy; intercultural communicative competence.